

Số: 2423/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 19 tháng 8 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề cương chi tiết và dự toán kinh phí Nhiệm vụ  
Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường  
không khí cấp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;

Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-BTNMT ngày 29/4/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ văn bản số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kỹ thuật xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh;

Căn cứ văn bản số 11636/UBND-VP ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xây dựng Kế hoạch quản lý môi trường không khí cấp tỉnh và Kiểm kê nguồn khí thải, quan trắc, đánh giá về ô nhiễm bụi (PM10; PM2.5);

Căn cứ văn bản số 18973/UBND-VP ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5275./TTr-STNMT ngày 09/8/2022 về việc đề nghị phê duyệt Đề cương chi tiết và dự toán kinh phí Nhiệm vụ Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025; ý kiến của Sở Tài chính tại văn bản số 3176/STC-TCHCSN ngày 25/7/2022 về việc kinh phí “Xây dựng Kế hoạch quản lý môi trường không khí cấp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025”, văn bản số 3465/STC-TCHCSN ngày 08/8/2022 về việc nguồn kinh phí “Xây dựng Kế hoạch quản lý môi trường không khí cấp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025”.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương chi tiết và dự toán kinh phí Nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025”, với những nội dung như sau:

**1. Tên dự án:** Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025.

**2. Cơ quan chủ quản:** Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**3. Cơ quan chủ đầu tư:** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**4. Cơ quan tư vấn lập đề cương và dự toán chi tiết:** Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tài nguyên và Môi trường Miền Nam - Trung tâm Tài nguyên nước và Môi trường.

**5. Mục tiêu:** Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025.

### **6. Nội dung thực hiện**

6.1. Nội dung 1: Đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí và công tác quản lý chất lượng môi trường không khí, cụ thể như sau:

a) Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường không khí bằng các nguồn dữ liệu quan trắc môi trường.

b) Thực hiện kiểm kê phát thải để xác định các nguồn khí thải chính.

c) Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường không khí bằng mô hình

khuếch tán.

d) Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe cộng đồng.

đ) Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất lượng môi trường không khí.

e) Tổng hợp kết quả, đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí, hiện trạng công tác quản lý chất lượng môi trường không khí.

6.2. Nội dung 2: Xác định mục tiêu quản lý chất lượng môi trường không khí.

6.3. Nội dung 3: Xác định, phân tích chi phí - hiệu quả, đề xuất các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí được ưu tiên thực hiện.

6.4. Nội dung 4: Đề xuất các nội dung và lộ trình thực hiện của Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí.

6.5. Nội dung 5: Tham vấn dự thảo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí.

6.6. Nội dung 6: Hoàn thiện dự thảo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí.

## **7. Sản phẩm giao nộp**

7.1. Danh mục sản phẩm giao nộp

a) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt của dự án.

b) Các báo cáo chuyên đề:

- Chuyên đề 1: Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường không khí bằng các nguồn dữ liệu quan trắc môi trường.

- Chuyên đề 2: Báo cáo kiểm kê phát thải để xác định các nguồn khí thải chính.

- Chuyên đề 3: Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường không khí bằng mô hình khuếch tán.

- Chuyên đề 4: Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe cộng đồng.

- Chuyên đề 5: Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Chuyên đề 6: Xác định mục tiêu quản lý chất lượng môi trường không khí; Xác định, phân tích chi phí - hiệu quả, đề xuất các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí được ưu tiên thực hiện.

- Chuyên đề 7: Dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Chuyên đề 8: Báo cáo kết quả tham vấn Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí.

c) Tập tài liệu, số liệu thu thập và các văn bản pháp lý, bản đồ có liên quan.

d) Bộ phiếu kết quả phân tích bổ sung.

đ) Bộ phiếu điều tra.

e) Bộ bản đồ diễn biến chất lượng môi trường không khí theo các kịch bản. (Tỷ lệ 1:50.000, kèm theo bản đồ số định dạng \*.mxd và kèm theo GeoDB để tích hợp vào cơ sở dữ liệu của ngành Tài nguyên và Môi trường).

h) Đĩa CD/USB ghi tất cả các dữ liệu trên.

7.2. Tổng số sản phẩm giao nộp, bao gồm:

a) Số liệu, tài liệu, bộ dữ liệu được thu thập: 01 bộ;

b) Bộ phiếu điều tra và bộ phiếu kết quả phân tích bổ sung: 01 bộ;

c) Tập các bản đồ: 05 bộ;

d) Báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề: 10 bộ;

đ) Số lượng đĩa CD/USB lưu trữ toàn bộ dữ liệu: 05 cái.

**8. Phạm vi thực hiện dự án:** toàn bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**9. Thời gian thực hiện dự án:** 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

**10. Dự toán kinh phí:** 2.832.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm ba mươi hai triệu đồng*).

### **11. Nguồn vốn kinh phí**

- Bố trí vào dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho Sở Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 là 800.000.000 đồng.

- Bố trí vào dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho Sở Tài nguyên và Môi trường là 2.031.661.000 đồng.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí và hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Handwritten signature*

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *(H)*

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *Handwritten signature*



**Nguyễn Công Vinh**